

**BIÊN BẢN HỌP BÀN QUY CHẾ KHUYẾN KHÍCH
HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

Phiên họp thứ nhất: Vào lúc 8h00 ngày **23 tháng 12 năm 2015**, tại Phòng họp số 1- Nhà A1.

Chủ trì cuộc họp, thư ký

1. GS.TS Nguyễn Hay - Hiệu trưởng - Chủ trì
2. PGS.TS Nguyễn Phú Hòa - Trưởng phòng QLNCKH - Thư ký

Thành viên tham dự: (17)

1. **Ban Giám hiệu:** GS.TS. Nguyễn Hay; PGS.TS. Dương Duy Đồng
2. **Phòng ban:** PGS.TS. Nguyễn Phú Hòa; TS. Nguyễn Tri Quang Hưng; TS. Bùi Ngọc Hùng; TS. Trần Đình Lý; ThS. Bùi Xuân Nhã; PGS.TS. Lê Hữu Khương; ThS. Nguyễn Trọng Thề.
3. **Khoa, Bộ môn, Viện:** PGS.TS. Lê Quốc Tuấn; PGS.TS. Phan Tại Huân; PGS.TS. Nguyễn Huy Bích; PGS.TS. Nguyễn Như Trí; PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn; PGS.TS. Nguyễn Văn Ngãi; TS. Nguyễn Thị Mai; TS. Trần Thị Lệ Minh.

Đơn vị vắng (07): Khoa: CNTT, Lâm nghiệp; Nông học; QLDD&BDS; Ngoại ngữ - Sư phạm. Bộ môn: Công nghệ Hóa học. Viện CNSH&MT.

Phiên họp thứ hai: Vào lúc 8h10 ngày **11 tháng 01 năm 2016**, tại phòng họp số 01 – Nhà A1.

Chủ trì cuộc họp, thư ký

1. PGS.TS. Dương Duy Đồng - Phó Hiệu trưởng - Chủ trì
2. PGS.TS Nguyễn Tri Quang Hưng - Phó Trưởng phòng QLNCKH - Thư ký

Thành viên tham dự: (19)

1. **Ban Giám hiệu:** PGS.TS. Dương Duy Đồng; PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng; PGS.TS. Phạm Văn Hiền.
2. **Phòng ban:** PGS.TS. Nguyễn Phú Hòa; TS. Nguyễn Tri Quang Hưng; TS. Trần Đình Lý; TS. Bùi Ngọc Hùng; ThS. Bùi Xuân Nhã; PGS.TS. Lê Hữu Khương.
3. **Khoa, Bộ môn, Viện:** PGS.TS. Lê Quốc Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Huy Bích; TS. Nguyễn Hoàng Nam Kha; TS. Nguyễn Quang Thiệu; PGS.TS. Nguyễn Văn Ngãi; TS. Phạm Văn Tính; TS. Đoàn Huệ Dung; PGS.TS. Phạm Ngọc Nam; TS. Phạm Văn Tân; PGS.TS. Trương Vĩnh.

Đơn vị vắng (05): Khoa: Nông học; CNTP; Khoa học. Bộ môn: CNSH. Viện CNSH.

NỘI DUNG

1. Bàn về các quy định và qui chế khuyến khích hoạt động Nghiên cứu khoa học (NCKH) trong nhà trường.
2. Thống nhất việc phân bổ kinh nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm 2016.

Nội dung cụ thể:

A. Bàn về các quy định và qui chế khuyến khích hoạt động NCKH trong nhà trường

- PGS.TS Nguyễn Phú Hòa, Trưởng phòng Quản lý NCKH trình bày bảng tổng hợp các qui định nghiên cứu khoa học từ các thông tư 47/2014 TT-BGDĐT, tham khảo qui định của một số trường Đại học và qui chế chỉ tiêu nội bộ của trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM về thời gian nghiên cứu khoa học, qui định giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, qui đổi giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, quản lý phí trích nộp từ các đề tài NCKH và các hợp đồng liên quan hoạt động NCKH&CGCN.

- TS. Nguyễn tri Quang Hưng, Phó Trưởng phòng Quản lý NCKH trình bày các quy chế khuyến khích hoạt động NCKH

- GS.TS. Nguyễn Hay đề nghị các thành viên tham gia họp cho ý kiến

Các ý kiến đóng góp:

Đối với đề tài NCKH cấp cơ sở (Giảng viên):

Về tiêu chí xét duyệt: Đồng ý với đề xuất phòng Quản lý NCKH nhưng ưu tiên xét cán bộ/giảng viên có học vị Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ mới bảo vệ dưới 10 năm. Tuy nhiên, cũng cần có ưu tiên đến đặc thù ngành nghề khó có điều kiện có đề tài (Khoa Khoa học, BM. Lý luận chính trị).

- Đã có qui định bắt buộc giảng viên phải có nghiên cứu khoa học nên không thể có sự ưu tiên đặc thù ngành nghề.

Về kinh phí, định mức chi: Đồng ý với đề xuất của phòng Quản lý NCKH.

Về việc thực hiện hợp đồng NCKH và các khoản chi trong đề tài: Đồng ý với đề xuất của phòng Quản lý NCKH.

Về quá trình xét duyệt đề xuất và thuyết minh và thành phần Hội đồng: Đồng ý với đề xuất của phòng Quản lý NCKH.

Đối với đề tài NCKH cấp cơ sở (Sinh viên):

Về tiêu chí xét duyệt; Kinh phí và định mức chi; Sản phẩm bắt buộc; Việc thực hiện hợp đồng NCKH và các khoản chi trong đề tài; Quá trình xét duyệt và thành phần Hội đồng: Đồng ý với đề xuất của P. Quản lý NCKH nhưng sản phẩm là bài báo đối với đề tài sinh viên có mức kinh phí <20 triệu đồng nên có chế độ động viên khuyến khích viết bài.

Đối với thu quản lý phí từ các hoạt động NCKH&CGCN:

- Đối với việc đóng góp quản lý phí tỷ lệ 5% là quá ít và khoản này nhà trường thường bị thất thoát. 5% đóng góp từ các đề tài, dự án chỉ đủ để sửa chữa, không đủ cho khấu hao trong khi các chủ nhiệm đề tài có điều kiện tự do sử dụng thương hiệu, mặt bằng của nhà trường để thực hiện đề tài dự án.

- Đối với các đề tài, dự án mà tự tìm được nguồn thì tỷ lệ trích nộp nên thấp hơn để khuyến khích

- Rất khó để tăng tỷ lệ trích nộp hơn 5% vì mỗi đề tài dự án có tính chất khác nhau. Nên phân ra đề tài dự án có nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước hay từ ngân sách nhà nước. (Đề tài/dự án có tổng kinh phí dưới 1 tỷ, trường thu 5% quản lý phí; trên 1 tỷ đến 2.5 tỷ thu 4,5%; trên 2.5 tỷ đến 4.5 tỷ thu 4%; trên 4.5 tỷ đến 6 tỷ thu 3.5%; trên 6 tỷ thu 200 triệu/1 năm theo TTLT số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015). Ngoài ra đối với hợp đồng/dự án không sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường thu 5% quản lý phí, hợp đồng/dự án có sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường thu 10% quản lý phí.

- Việc trích nộp từ hoạt động đi dạy bên ngoài thời gian qua bị bỏ qua do không thể phân định trong giờ hay ngoài giờ.

- Đối với những trường hợp làm dự án bên ngoài trong giờ nhà nước cần có sự đóng góp nhất định.

- Nên ra qui định tỷ lệ trích nộp 2% cho việc đi dạy bên ngoài và không tính tiền vượt giờ cho các trường hợp vượt giờ chuẩn.

Đối với Quy chế khuyến khích nghiên cứu khoa học, chi hỗ trợ tham dự hội nghị hội thảo, chi khen thưởng viết bài báo trong và ngoài nước:

Đồng ý với mức đề xuất khen thưởng về NCKH nhưng cần có lưu ý các vấn đề sau:

- Nên đưa kinh phí chi tham dự hội nghị - hội thảo vào trong dự toán kinh phí thực hiện đề tài.

- Bài báo quốc tế: chỉ xét duyệt cho tác giả không có nguồn kinh phí tài trợ từ đề tài, dự án trong và ngoài nước.

- Cần có tiêu chuẩn cụ thể cho người được hỗ trợ tham gia các Hội nghị trong nước chung trong toàn trường. Cần có tiêu chuẩn xét duyệt đề tài cấp cơ sở cho Giảng viên như có trình độ Thạc sĩ, tiến sĩ, Không xét cho GV có học vị tiến sĩ trên 10 năm và đã có học hàm PGS., GS.

- Nên giao cho Trưởng khoa có quyền quyết định và trưởng khoa cần có định hướng cụ thể cho việc cử người trợ tham gia các Hội nghị trong nước.

- Nên đưa việc hỗ trợ hội nghị - hội thảo tổ chức trong nước vào kinh phí NCKH cấp cơ sở.

- Các Viện/Trung tâm tự thu, tự chi không được hỗ trợ tham gia các Hội nghị trong nước.

Đối với tiêu chí đánh giá viên chức (Giảng viên, nghiên cứu viên) về xét thi đua về NCKH:

- Trong năm tới hoạt động NCKH của giảng viên sẽ là tiêu chí để đánh giá viên chức và xét thi đua khen thưởng, đặc biệt là khen thưởng cấp cao.

- Có sự mâu thuẫn ở chỗ kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên/nghiên cứu viên được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH hoặc đề tài hoặc bài báo được công bố ở tạp chí có phản biện. Vì nếu muốn có bài báo đạt yêu cầu này chắc chắn phải là kết quả nghiên cứu từ đề tài nào đó.

- Xét theo TT47/2014-TT-BGDĐT chỉ xét hoàn thành nhiệm vụ nên đánh giá viên chức thi đua khen thưởng cuối năm chỉ xét sản phẩm cuối cùng. Xác định lại đề tài cấp nào và nguồn kinh phí và đưa ra cách tính giá trị của bài báo và sản phẩm của đề tài.

Kết luận:

I. Đối với đề tài NCKH cấp cơ sở (Giảng viên)

- 1. Tiêu chí xét duyệt:** Ưu tiên xét: Giảng viên có học vị Thạc sĩ và Tiến sĩ mới bảo vệ dưới <10. **Không xét:** giảng viên chưa hoàn tất hồ sơ nghiệm thu đề tài cấp cơ sở hay Bộ GD & ĐT.
- 2. Kinh phí: Định mức chi:** tối đa **150 triệu đồng**/đề tài GV và được chi cho việc tham dự hội nghị được tổ chức trong nước, yêu cầu phải có báo cáo tại hội nghị (oral presentation). Các chi phí gồm: phí đăng ký và được thanh toán theo chế độ công tác phí (mức chi theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ) riêng phương tiện đi lại chỉ thanh toán vé tàu hoặc ô tô, được chi cho việc gửi bài báo đăng tạp chí trong và ngoài nước. Bài báo của tạp chí quốc tế được chi 3 triệu đồng/bài (thay cho mức chi thường bài báo quốc tế đang áp dụng). Bài báo của tạp chí trong nước được chi theo biên nhận của nơi gửi đăng. Trong tất cả các loại bài báo nói trên, yêu cầu tác giả phải ghi cơ quan làm việc của tác giả chính là Trường Đại học Nông Lâm TP HCM; lời cảm ơn phải ghi rõ bài báo được viết dựa trên kết quả nghiên cứu từ đề tài cấp cơ sở do Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM tài trợ kinh phí.
- 3. Sản phẩm bắt buộc:** Đề tài GV có tổng kinh phí đề xuất < **75 triệu đồng**/đề tài: **1 bài báo** được phản biện chấp thuận đăng trên tạp chí được HDGSNN chấp nhận; đề xuất **75 - 120 triệu đồng** /đề tài: **2 bài báo** được phản biện chấp thuận đăng trên tạp chí được HDGSNN chấp nhận; đề xuất > **120 triệu đồng** /đề tài: **1 bài báo** được phản biện chấp thuận **đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số IF**.
- 4. Việc thực hiện hợp đồng NCKH và các khoản chi trong đề tài:** tuân theo quy định hiện hành (các Nghị định, Thông tư, Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Tài Chính) về hoạt động NCKH.
- 5. Quá trình xét duyệt đề xuất và thuyết minh:**
 - Nếu sau khi Hội đồng 1 bác bỏ đề xuất của đơn vị nào thì đơn vị có thể gửi đề xuất lại và chịu trách nhiệm chi trả chi phí thành lập hội đồng mới, nếu không, nhà trường sẽ thông báo cho các đơn vị khác gửi thêm đề xuất và đơn vị đó cũng chịu trách nhiệm chi trả chi phí thành lập hội đồng mới.
 - Nếu sau khi Hội đồng 2 bác bỏ thuyết minh NCKH của cá nhân nào thì đơn vị có thể gửi đề xuất lại và chịu trách nhiệm chi trả chi phí thành lập các hội đồng mới, nếu không, nhà trường sẽ thông báo cho các đơn vị khác gửi thêm đề xuất và đơn vị đó cũng chịu trách nhiệm chi trả chi phí thành lập các hội đồng mới.
- 6. Thành phần các Hội đồng được thành lập dựa vào thông tư 55 của Bộ KHCN và thông tư 12 của Bộ GD & ĐT.**

II. Đối với đề tài NCKH cấp cơ sở (Sinh viên)

- 1. Tiêu chí xét duyệt:** là sinh viên học từ **năm thứ 2 đến năm thứ 3** đối với chương trình học 04 năm và đến **năm 4 cho các chương trình học 5 năm**, có ngành học phù hợp thuộc lĩnh vực của đề tài hoặc lĩnh vực gần với đề tài, tại thời điểm đăng ký và tuyển chọn không là chủ nhiệm đề tài các cấp khác do trường quản lý; Không có đề tài trễ hạn hoặc không còn nợ kinh phí hoặc đang thực hiện đề tài do trường quản lý. Số lượng sinh viên thực hiện (**tối đa 04 sinh viên/1 đề tài**) và phải có giáo viên hướng dẫn thuộc chuyên ngành sinh viên nghiên cứu, học tập (mỗi đề

tài chỉ có **01 giáo viên hướng dẫn**, giáo viên chỉ hướng dẫn **01 nhóm sinh viên/ 01 đề tài** và trước 01 năm tính từ thời điểm về hưu không được hướng dẫn).

2. **Kinh phí đề xuất:** tối đa 30 triệu đồng/đề tài SV.
3. **Sản phẩm bắt buộc:** Đề tài SV đề xuất > 20 triệu đồng /đề tài: 1 bài báo được phản biện chấp thuận đăng trên tạp chí được HĐGSNN chấp nhận.
4. **Việc thực hiện hợp đồng NCKH và các khoản chi trong đề tài:** tương tự như ĐT NCKH cấp cơ sở (Giảng viên).
5. **Quá trình xét duyệt đề xuất NCKH SV:** Nếu hết hạn thông báo, các đơn vị không đăng ký đủ số lượng đề xuất của đề tài sinh viên NCKH, nhà trường sẽ phân bổ cho các đơn vị khác; Nếu **đợt 1**, HĐ không xét duyệt đề xuất, các đơn vị có thể gửi bổ sung vào **đợt 2**, nếu không, nhà trường sẽ phân bổ cho các đơn vị khác; Đối với Khoa Khoa học, các đơn vị khác giới thiệu sinh viên để đăng ký với giảng viên ở Khoa Khoa học.
6. **Hội đồng xét duyệt đề tài sinh viên gồm:** Chủ tịch: Hiệu trưởng; Phó Chủ tịch: Hiệu phó; Thành viên (5) trong đó có 1 Trưởng/Phó phòng QLNCKH; Thư ký hành chánh: 1 (P.Quản lý NCKH).

III. Đối với Quy chế khuyến khích nghiên cứu khoa học, chi tiết khen thưởng như sau:

1	Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải + cấp Bộ Giải 1 Giải 2 Giải 3 Giải khuyến khích + cấp tỉnh/thành Giải 1 Giải 2 Giải 3	1.000.000 đ/đề tài 500.000 đ/đề tài 300.000 đ/đề tài 200.000 đ/đề tài 500.000 đ/đề tài 300.000 đ/đề tài 200.000 đ/đề tài
2	Tham gia các cuộc thi sáng tạo hoặc hoạt động khác về khoa học và công nghệ - Đạt giải thưởng cấp Nhà nước - Đạt giải thưởng cấp Bộ - Đạt giải thưởng cấp tỉnh/thành	2.000.000 đ 1.000.000 đ 500.000 đ
3	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có IF (chỉ xét duyệt cho tác giả không có nguồn kinh phí tài trợ từ đề tài, dự án trong và ngoài nước.) - Tác giả có trích nguồn là trường Đại Học Nông Lâm TP HCM	3.000.000 đ/bài báo 1.000.000 đ/bài báo

- Tác giả không có trích nguồn là trường Đại Học Nông Lâm TP HCM	báo
--	-----

IV. Đối với Quản lý phí trích nộp từ các đề tài/dự án, các hợp đồng liên quan đến NCKH&CGKHCN, chi tiết nộp như sau:

1. Quản lý phí các đề tài nghiên cứu khoa học/sản xuất thử nghiệm

TT	Đối tượng	Tỷ lệ đóng góp (%/tổng kinh phí)
1	Đề tài có tổng kinh phí < 1 tỷ đồng	5,0 %
2	Đề tài có tổng kinh phí từ 1 tỷ đồng - < 2,5 tỷ đồng	4,5 %
3	Đề tài có tổng kinh phí từ 2,5 tỷ đồng - < 4,5 tỷ đồng	4,0 %
4	Đề tài có tổng kinh phí từ 4,5 tỷ đồng - < 6 tỷ đồng	3,5 %
5	Đề tài có kinh phí $\geq$ 6 tỷ đồng (Theo thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN, ngày 22/4/2015)	200.000.000 đ

2. Quản lý phí các hợp đồng/dự án liên quan đến khoa học công nghệ

TT	Đối tượng	Tỷ lệ đóng góp (%/tổng kinh phí hoặc doanh thu)
1	Hợp đồng/dự án không sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường	5,0 %
2	Hợp đồng/dự án có sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường	10,0 %

V. Đối với đánh giá viên chức (Giảng viên, nghiên cứu viên) quy định về NCKH: xét thi đua khen thưởng cuối năm chỉ xét sản phẩm cuối cùng. Lưu ý: Hoàn thành nhiệm vụ theo đúng thông tư 47/2014 TT-BGDĐT.

B. Bàn về kế hoạch phân bổ kinh phí nhiệm vụ hoạt động Nghiên cứu Khoa học (NCKH) cấp cơ sở năm 2016 trong nhà trường

PGS.TS Nguyễn Phú Hòa, Trưởng phòng Quản lý NCKH trình bày bảng tổng hợp phân bổ kinh phí nhiệm vụ hoạt động nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2016.

- PGS.TS. Dương Duy Đồng đề nghị các thành viên tham gia họp cho ý kiến.

Các ý kiến đóng góp:

Đồng ý với bảng tổng hợp phân bổ kinh phí nhiệm vụ hoạt động NCKH cấp cơ sở năm 2016 nhưng cần xác định:

- Nguồn kinh phí được xác định vào tháng 11 hằng năm (Phòng KH-TC phối hợp với phòng Quản lý NCKH) nên cần xác định các hoạt động thường niên của trường và các hoạt động của các đơn vị và chia kinh phí hoạt động thành phần chi cứng và chi mềm.

- Nên chia kinh phí hoạt động theo tỷ lệ: nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên (theo quy định của ND 99), còn lại chỉ cho khen thưởng, tổ chức hội đồng, Hội nghị - Hội thảo, bài báo (không thuộc kinh phí của trường và Bộ), thông tin Khoa học, SHTT, triển lãm, V.V.....

- Nguồn kinh phí lấy từ nguồn thu học phí của nhà trường nên hằng năm sẽ thay đổi và phải dựa trên các đề xuất đăng ký của các đơn vị và xét duyệt. Chia theo tỷ lệ tương đối và căn cứ theo thực tế mỗi năm để xét và mức kinh phí nên chủ động theo số lượng nguồn đề tài đề xuất mỗi năm của mỗi đơn vị và đơn vị đề xuất tối đa.

- Vì khuyến khích nên cần phổ biến rộng rãi và tỷ lệ kinh phí dành cho Giảng viên nghiên cứu cao do liên quan đến công tác đánh giá thi đua.

- Có 2 tiêu chí lựa chọn: 1 là do hội đồng trường xét duyệt; 2 là dựa vào số lượng sinh viên và giảng viên của đơn vị.

- Phòng QLNCKH nên đưa ra quy trình tốt hơn đối với sinh viên làm đề tài NCKH.

Kết luận:

- **Thống nhất phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH** chỉ cho đề tài cấp cơ sở NCKH (Giảng viên và sinh viên) là 76%, khen thưởng liên quan đến NCKH&CGCN của giảng viên và sinh viên là 2%, Hội nghị - hội thảo trong nước 6% (30 triệu đồng/1 hội thảo cấp đơn vị), Hội đồng xét duyệt là 13%, Thông tin KH-CN-Triển lãm -SHTT là 3%.
- **Phân bổ kinh phí cho từng ngành dựa vào số lượng giảng viên và sinh viên ở mỗi đơn vị**
- **Có hỗ trợ kinh phí cho các nghiên cứu phục vụ công tác quản lý.**
- **Phòng QLNCKH đề xuất hạn mức tối đa kinh phí của mỗi đơn vị** (bảng kinh phí phân bổ dự kiến đính kèm)

Cuộc họp kết thúc: Phiên họp lần thứ nhất: lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày; **Phiên họp lần thứ hai:** lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản đã được thông qua toàn thể thành viên tham dự 2 phiên họp và nhất trí 100%. 

Thư ký



PGS.TS. Nguyễn Phú Hòa



Chủ trì

GS.TS. Nguyễn Hay

DỰ TOÁN PHÂN BỐ CHO HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ (GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN) NĂM 2016

Kinh phí dành cho hoạt động NCKH năm 2016 theo ND 99 (8%): 8.225.000.000 đồng

Kinh phí dành cho hoạt động NCKH cấp cơ sở cho từng ngành: 76% (6.300 triệu đồng)

Đv: triệu đồng

TT	Nội dung chi			Tổng cộng
I	Hoạt động nghiên cứu Khoa học			
	Ngành	Giảng viên	Sinh viên	
1	Cơ khí Công nghệ	320	100	420
2	Công nghệ Thực phẩm	280	70	350
3	Công nghệ Thông tin	180	40	220
4	Chăn nuôi Thú y	550	90	640
5	Cơ bản	360	0	360
6	Kinh tế	760	120	880
7	Lâm nghiệp	460	60	520
8	Môi trường Tài nguyên	490	100	590
9	Nông học	380	60	440
10	Ngoại ngữ Sư phạm	380	40	420
11	Thủy sản	420	70	490
12	Quản lý Đất đai và BĐS	310	80	390
13	Công nghệ Sinh học	180	40	220
14	Công nghệ Hoá học	130	30	160
15	Lý luận Chính trị	100	0	100
16	Các nghiên cứu phục vụ công tác quản lý	100	0	100
		5.400	900	6300



GS.TS. Nguyễn Hay

Phòng KH - TC

ThS. Bùi Xuân Nhã

Phòng Quản lý NCKH

GS.TS. Nguyễn Phú Hòa